

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 314 / 2017/HC-PT
Ngày: 30/10/2017

V/v khiếu kiện:

1. *Quyết định dừng và thu hồi trợ cấp thờ cúng liệt sĩ;*
2. *Quyết định giải quyết khiếu nại;*
3. *Hành vi thực hiện quyết định trợ cấp tuất vợ liệt sĩ.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Linh;

Ông Thái Duy Nhiệm.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hà, cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Sơn, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 105/2016/TLPT- HC ngày 08/8/2017 về khiếu kiện Quyết định dừng và thu hồi trợ cấp thờ cúng liệt sĩ; Quyết định giải quyết khiếu nại; Hành vi thực hiện Quyết định trợ cấp tuất vợ liệt sĩ.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2017/HCST ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3533/QĐ-PT ngày 12 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Vũ Khánh N1, sinh năm 1957.

Địa chỉ cư trú: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (có mặt);

- *Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:* Ông Phạm Anh T, sinh năm 1950, CCCD số: 030050001042 do Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 26/4/2017, đăng ký thường trú tại: khu M phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương (*Theo Giấy ủy quyền lập ngày 12/9/2017 tại Văn phòng công chứng N, B, phường P, thành phố H*), (có mặt).

2. Người bị kiện:

- Ông Nguyễn Dương T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ nơi làm việc: phố Q, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xử vắng mặt).

- Ông Vũ Doan Q, Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ nơi làm việc: số 08 phố S, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị M, sinh năm 1945.

Địa chỉ cư trú: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Khánh N1 trình bày:

Ngày 16/10/1997, Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định 442/LĐTBXH cấp Giấy chứng nhận và trợ cấp tuất cho bà Vũ Thị M là vợ liệt sĩ Vũ Khánh N2 từ ngày 01/01/1995 và từ đó thực hiện trợ cấp tuất liệt sĩ đối với bà M cho đến nay.

Ngày 21/10/2013, Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định 1917/QĐ-SLĐTBXH với nội dung trợ cấp thờ cúng liệt sĩ Vũ Khánh N2 đối với ông Vũ Khánh N1 số tiền 500.000 đồng/năm.

Ngày 26/02/2015, Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định số 225/QĐ-SLĐTBXH với nội dung: Dừng thực hiện Quyết định số 1917/QĐ-SLĐTBXH và thu hồi trợ cấp thờ cúng liệt sĩ đối với ông N1, cụ thể là 02 năm x 500.000 đồng/năm = 1.000.000 đồng. Tuy nhiên ông N1 không nhận được Quyết định này, sau khi khiếu nại đến Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương, tại buổi làm việc với Thanh tra Sở ngày 25/11/2015 về việc giải quyết khiếu nại ông N1 mới nhận được bản photo Quyết định 225/QĐ-SLĐTBXH.

Ngày 29/01/2016, Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 39/QĐ-SLĐTBXH, nội dung: giữ nguyên Quyết định 225/QĐ-SLĐTBXH ngày 26/02/2015. Khi nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại, ông N1 mới biết được lý do ông không được hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ do bà Vũ Thị M đang được hưởng trợ cấp tuất vợ liệt sĩ theo Quyết định 442/QĐ-SLĐTBXH ngày 16/10/1997. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại này, ngày 01/02/2016 ông N1 khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh

Hải Dương. Ngày 13/10/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2812/QĐ-UBND với nội dung: Việc dừng thực hiện Quyết định 1917/QĐ-SLĐTBXH ngày 21/10/2013 là chính xác, tuy nhiên thu hồi trợ cấp thờ cúng liệt sĩ đối với ông N1 số tiền 02 năm x 500.000 đồng/năm = 1.000.000 đồng là chưa chính xác nên giao Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương ban hành văn bản sửa đổi Quyết định 225/QĐ-SLĐTBXH.

Ngày 17/10/2016, ông N1 nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 2812/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại này, ngày 16/11/2016, ông N1 có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 225/QĐ-SLĐTBXH ngày 26/02/2015 của Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương và truy thu chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ từ năm 2013 đến nay, trừ một năm đã được nhận.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 39/QĐ-SLĐTBXH ngày 29/01/2016 của Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương;

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2812/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương;

- Buộc Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương dừng thực hiện Quyết định số 442/QĐ-SLĐTBXH ngày 16/10/1997.

Ông N1 trình bày căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là:

- Bà M chưa từng đăng ký kết hôn và không có Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn với liệt sĩ Vũ Khánh N2, không được UBND xã T công nhận và ghi vào sổ đăng ký kết hôn. Bên cạnh đó, trong tất cả các hồ sơ của liệt sĩ N2 cũng không ghi nhận liệt sĩ N2 có vợ là bà M nên theo quy định của pháp luật thì bà M không phải vợ hợp pháp của liệt sĩ N2.

Sau khi liệt sĩ N2 hy sinh, ngày 22/7/1974, UBND xã T cấp Giấy chứng nhận thân nhân gia đình liệt sĩ cho cụ Vũ Khánh N3 và cụ Vũ Thị T1 (là bố và mẹ liệt sĩ). Từ năm 1974 đến năm 2010, cụ N3 và cụ T1 hằng năm vẫn được hưởng các chế độ đối với gia đình liệt sĩ. Sau khi cụ N3 và cụ T1 chết, các anh, chị, em ruột trong gia đình đã ủy quyền cho ông là người đại diện hưởng chế độ đối với gia đình liệt sĩ và có trách nhiệm thờ cúng liệt sĩ N2. Ngày 27/7/2013, ông đã làm đơn đề nghị hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ, hoàn thành đầy đủ thủ tục theo quy định và được hưởng chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ theo Quyết định 1917/QĐ-SLĐTBXH ngày 21/10/2013 của Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương.

- UBND xã T lập hồ sơ tuất vợ liệt sĩ cho bà M không đúng quy định của pháp luật vì một số văn bản không ghi ngày tháng.

Kèm theo đơn khởi kiện, ông N1 cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh gồm:

- + Giấy báo tử số 7901/HH4 ngày 01/01/1974 của Tổng cục CT có nội dung: *Liệt sĩ Vũ Khánh N2 hy sinh ngày 06/3/1967 tại mặt trận phía Nam là con của ông*

Vũ Khánh N3 và bà Vũ Thị T1; phần nội dung về vợ bỏ trống.

+ Giấy chứng nhận thân nhân gia đình liệt sĩ để xét trợ cấp tiền tuất của UBND xã T ngày 22/7/1974 chứng nhận liệt sĩ N2 có thân nhân gồm bố là ông N3 và mẹ là bà T1, ngoài ra không chứng nhận về vợ.

+ Biên bản ủy quyền ngày 27/7/2013 với nội dung: Các ông, bà gồm Vũ Khánh N4, Vũ Thị T2, Vũ Thị L ủy quyền cho ông Vũ Khánh N1 thờ cúng liệt sĩ N2.

+ Biên bản đề nghị tuất vợ liệt sĩ để xét đơn đề nghị hưởng chế độ tuất vợ liệt sĩ của bà M, thành phần bao gồm đại diện Đảng ủy và UBND xã T nhưng không ghi ngày tháng.

+ Giấy chứng nhận thân nhân gia đình liệt sĩ do UBND xã T chứng nhận liệt sĩ N2 có vợ là bà M nhưng văn bản này không có ngày tháng và không có xác nhận của chủ gia đình liệt sĩ.

Ngày 20/5/2017, ông N1 có đơn yêu cầu TAND tỉnh Hải Dương thu thập lý lịch quân nhân liệt sĩ Vũ Khánh N2 tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương để xác định khi đi bộ đội, liệt sĩ có vợ hay không.

Theo bản giải trình về yêu cầu khởi kiện cũng như trong quá trình xét xử sơ thẩm, bà Ngô Thị Thanh H, người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương, trình bày: Quyết định số 225/QĐ-SLĐTBXH ngày 26/02/2015 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 39/QĐ-SLĐTBXH ngày 29/01/2016 của Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương được ban hành theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định, nội dung có căn cứ nên vẫn giữ nguyên hai quyết định đó và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N1. Những căn cứ để chứng minh là:

- Các tài liệu có trong hồ sơ lưu trữ tại SLĐTBXH tỉnh Hải Dương và xác minh trực tiếp thể hiện bà M thực tế là vợ liệt sĩ N2, được nhân dân và chính quyền địa phương thừa nhận. Từ năm 1997 khi bà M được hưởng chế độ tuất hàng tháng đến trước khi ông N1 bị dừng thực hiện chế độ thờ cúng liệt sĩ và có đơn khiếu nại, SLĐTBXH tỉnh Hải Dương không nhận được bất kỳ ý kiến phản ánh nào của gia đình cũng như chính quyền địa phương nơi bà M sinh sống hoặc quê quán của liệt sĩ N2 rằng bà M không phải vợ liệt sĩ N2.

Đến ngày 29/01/2016, khi SLĐTBXH tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 39/QĐ-SLĐTBXH, ông N1 chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh bà M không phải là vợ liệt sĩ N2.

Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ quy định: Vợ (hoặc chồng) liệt sĩ là người kết hôn hợp pháp hoặc thực tế là vợ (hoặc chồng) liệt sĩ được nhân dân, cơ quan có thẩm quyền thừa nhận. Do đó, ngày 16/10/1997, SLĐTBXH tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định số 442/QĐ-SLĐTBXH, nội dung cho bà M - vợ đến tuổi của liệt sĩ N2, được hưởng chế độ tuất hàng tháng kể từ ngày 01/01/1995 là phù hợp quy định.

- Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của

Chính phủ quy định: Liệt sĩ không còn người hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng thì người thờ cúng được hưởng trợ cấp thờ cúng mỗi năm một lần, mức trợ cấp 500.000 đồng. Do đó, ngày 26/02/2015, Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định số 225/QĐ-SLĐTBXH về việc dừng và thu hồi trợ cấp thờ cúng liệt sĩ đối với ông N1 là phù hợp.

Bà H đã cung cấp toàn bộ hồ sơ liệt sĩ N2, hồ sơ trợ cấp tuất vợ liệt sĩ của bà M và hồ sơ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ của ông N1 để làm chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình.

Tại bản giải trình số 221/UBND-VP ngày 07/02/2017, người bị kiện là ông Nguyễn Dương T, Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương trình bày: Quyết định giải quyết khiếu nại số 2812/QĐ-UB ngày 13/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương đảm bảo có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên vẫn giữ nguyên quyết định này, căn cứ chứng minh là:

- Quyết định số 225/QĐ-SLĐTBXH ngày 26/01/2015 của Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương có nội dung đúng và không đúng, cụ thể:

+ Nội dung đúng: Dừng thực hiện Quyết định số 1917/QĐ-SLĐTBXH ngày 21/10/2013 về việc trợ cấp thờ cúng liệt sĩ cho ông N1 vì ông N1 hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ không đúng đối tượng.

+ Nội dung không đúng: Thu hồi trợ cấp thờ cúng liệt sĩ đối với ông N1 số tiền 500.000 đồng x 2 năm = 1.000.000 đồng. Lý do vì sau khi phát hiện việc trợ cấp không đúng, năm 2014 đã không chi trả tiếp 500.000 đồng tiền trợ cấp cho ông N1 nên ông N1 chỉ được hưởng trợ cấp một lần vào năm 2013 là 500.000 đồng.

- Sau khi nhận được đơn khiếu nại lần đầu của ông N1, ngày 15/12/2015, Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 735/QĐ-SLĐTBXH về việc thành lập đoàn xác minh để tiến hành xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông N1 là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Khiếu nại năm 2011 và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của TTCP quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. Tuy nhiên Quyết định này chưa nhận xét, kết luận nội dung thu hồi trợ cấp thờ cúng liệt sĩ tại Quyết định 225/QĐ-SLĐTBXH đối với ông N1 có sai sót về số tiền thu hồi.

- Căn cứ vào kết quả xác minh, báo cáo của TT tỉnh Hải Dương và Luật Khiếu nại 2011, Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định 2812/QĐ-UB giải quyết khiếu nại lần 2 với nội dung:

+ Xác định việc dừng thực hiện Quyết định 1917/QĐ-SLĐTBXH ngày 21/10/2013 về việc trợ cấp thờ cúng liệt sĩ đối với ông N1 là đúng;

+ Do việc thu hồi trợ cấp thờ cúng đối với ông N1 1.000.000 đồng là không chính xác nên giao Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương ban hành văn bản sửa đổi một phần nội dung của Điều 1 Quyết định số 225/QĐ-SLĐTBXH ngày 26/02/2015 cho đúng với kết luận.

- Về yêu cầu buộc Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương dừng thực hiện Quyết định 442/QĐ-SLĐTBXH ngày 16/10/1997, do không phải nội dung trong Quyết định giải quyết khiếu nại số 2812/QĐ-UB nên ông T không trình bày quan điểm đối với nội dung này.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Vũ Thị M trình bày: Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N1 vì: Ngày 16/12/1962, bà và ông N2 kết hôn. Khi kết hôn hai gia đình có tổ chức cưới hỏi nhưng không có Giấy đăng ký kết hôn mà cụ N3 là bố ông N2 chỉ dẫn bà và ông N2 đến UBND xã T ký sổ đăng ký. Chính quyền địa phương vẫn chứng nhận bà là vợ liệt sĩ N2 và trong Giấy căn cước của bà có ghi chồng bà là Vũ Khánh N2. Năm 1963 ông N2 đi bộ đội, bà vẫn sinh sống ở nhà chồng một thời gian sau đó mới về nhà mẹ đẻ. Bà xác định bà được hưởng tiền tuất vợ liệt sĩ từ năm 1997 đến nay, tiền quà tết hàng năm thì chỉ được nhận một lần vào năm 2015 trị giá 500.000 đồng. Sau đó bà đã tự làm văn bản ủy quyền đến UBND xã T đề nghị chuyển quà đến cho gia đình ông N1 và sau đó UBND xã đã tự chuyển quà tết và quà ngày 27/7 hàng năm đến cho ông N1, ngoài ra bà không được hưởng gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08 ngày 07/6/2017, TAND tỉnh Hải Dương đã căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng Hành chính; căn cứ điểm 10 Mục II Điều 1 Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 10/9/2008 của UBND tỉnh Hải Dương; điểm 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; Điểm b khoản 2 Điều 14 Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Khoản 1 Điều 21 Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 09/3/2013 của Chính phủ; khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 21, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 31, Điều 32, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 40 và Điều 41 Luật Khiếu nại bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Khánh N1 về việc yêu cầu: Hủy Quyết định số 225/QĐ-SLĐTBXH ngày 26/02/2015 của Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương và truy thu chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ cho ông Vũ Khánh N1 từ năm 2013 đến nay, trừ một năm đã được nhận; Hủy Quyết định số 39/QĐ-SLĐTBXH ngày 20/01/2016 của Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Vũ Khánh N1; Hủy Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Vũ Khánh N1;. Buộc Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương dừng thực hiện Quyết định số 442/LĐTBXH ngày 16/10/1997 về việc trợ cấp tuất vợ liệt sĩ đối với bà Vũ Thị M.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/6/2017, ông Vũ Khánh N1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với các nội dung: Không cho bà Vũ Thị M hưởng tuất trợ cấp liệt sĩ và đề nghị được quyền thờ cúng và hưởng các chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ liệt sĩ Vũ Khánh N2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Vũ Khánh N1 trình bày: Bà M chưa từng đăng ký kết hôn và không có Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn với liệt sĩ Vũ Khánh N2, không được UBND xã T công nhận và ghi vào sổ đăng ký kết hôn. Trong tất cả hồ sơ của liệt sĩ N2 cũng không ghi nhận liệt sĩ có vợ là bà M nên theo quy định của pháp luật thì bà M không phải vợ hợp pháp của liệt sĩ N2 vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của ông.

Người được ông N1 ủy quyền là ông Phạm Anh T bổ sung thêm : Sau khi liệt sĩ Vũ Khánh N2 hy sinh, từ năm 1974 đến năm 2010, cụ N3 và cụ T1 hàng năm vẫn được hưởng các chế độ đối với gia đình liệt sĩ. Riêng bà M đã không làm trọn nghĩa dâu con và đã bỏ đi khỏi gia đình nhà cụ N3, cụ T1 không ở lại chăm sóc phụng dưỡng bố mẹ chồng và hương khói cho chồng; đã có con với người khác, việc bà được hưởng tiền tuất liệt sĩ và tiền cúng giỗ hàng năm là không đúng với quy định của pháp luật. Khi các cụ N3 và cụ T1 chết, các anh, chị, em ruột trong gia đình đã ủy quyền cho ông Vũ Khánh N1 (con út trong gia đình) là người đại diện hưởng chế độ đối với gia đình liệt sĩ và có trách nhiệm thờ cúng liệt sĩ N2 vì vậy mọi chế độ chính sách của liệt sĩ ông N1 phải là người được hưởng.

Ông Vũ Doan Q, Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương trình bày: Quyết định số 225/QĐ-SLĐTBXH và Quyết định giải quyết khiếu nại số 39/QĐ-SLĐTBXH được ban hành theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định, nội dung có căn cứ nên vẫn giữ nguyên hai quyết định đó và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N1. Các tài liệu có trong hồ sơ lưu trữ tại SLĐTBXH tỉnh và xác minh trực tiếp thể hiện bà M thực tế là vợ liệt sĩ Vũ Khánh N2, được nhân dân và chính quyền địa phương thừa nhận. Từ năm 1997 khi bà M được hưởng chế độ tuất hàng tháng, SLĐTBXH tỉnh Hải Dương không nhận được bất kỳ ý kiến nào của gia đình cũng như chính quyền địa phương nơi bà M sinh sống hoặc quê quán của liệt sĩ N2 phản ánh rằng bà M không phải vợ liệt sĩ N2. Đến ngày 20/01/2016 khi SLĐTBXH tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 39/QĐ-SLĐTBXH, ông N1 chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh bà M không phải là vợ liệt sĩ N2. Vì vậy việc không cho ông N1 hưởng tiền thờ cúng liệt sĩ là đúng theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Vũ Thị M không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N1 vì:* Ngày 16/12/1962, bà và ông N2 kết hôn. Mặc dù không có giấy kết hôn nhưng hai gia đình có tổ chức cưới hỏi và cụ N3 là bố ông N2 dẫn bà và ông N2 đến UBND xã T ký sổ đăng ký. Năm 1963 ông N2 đi bộ đội, bà vẫn sinh sống ở nhà chồng đến năm 1968 bà mới về nhà mẹ đẻ và bà cũng chưa từng tái giá. Từ năm 1997 đến nay bà được hưởng tiền tuất vợ liệt sĩ theo chế độ, đề nghị Hội đồng xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong thời hạn chuẩn bị xét xử đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Bà Vũ Thị M kết hôn với ông Vũ Khánh N2 vào ngày 16/12/1962 (âm lịch) ở thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Việc này được xác định tại Biên bản họp dòng tộc Vũ Khánh ngày 15/2/2015 và tại Biên bản làm việc giữa đoàn xác minh của SLĐTBXH với ông Vũ Khánh P - Trưởng tộc họ Vũ Khánh, thể hiện hàng năm bà M có đóng góp quỹ họ Vũ Khánh. Tại cuộc họp dòng tộc Vũ Khánh ngày 15/2/2015 ông P có họp và ký biên bản, trong biên bản có nội dung đưa bà M ra khỏi dòng họ, ông không nhất trí. Tuy nhiên, do không đọc kỹ nên ông đã ký vào biên bản. Ông P xác định bà M là vợ ông Vũ Khánh N2.

Thẻ căn cước của bà M cũng thể hiện chồng bà M là ông Vũ Khánh N2. Ngày 06/3/1967 ông N2 hy sinh tại mặt trận phía Nam. Sau khi ông N2 hy sinh, bà M không đi lấy chồng khác. Năm 1996 bà Vũ Thị M có đơn đề nghị hưởng chế độ tuất vợ liệt sỹ và được SLĐTBXH tỉnh Hải Dương ra Quyết định số 442/QĐ- SLĐTBXH ngày 16/10/1997 cho bà M được hưởng chế độ tuất vợ liệt sỹ hàng tháng là đúng quy định tại khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 20 Nghị định số 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người hoạt động cách mạng, gia đình liệt sỹ. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của ông N1 giữ y toàn bộ quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

Về thủ tục tố tụng:

Ngày 26/02/2015, Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định 225/QĐ-SLĐTBXH dừng thực hiện Quyết định 1917/QĐ-SLĐTBXH ngày 21/10/2013 và thu hồi trợ cấp thờ cúng liệt sỹ đối với ông N1 số tiền 1.000.000 đồng. Do ông N1 khiếu nại nên ngày 29/01/2016, Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định số 39/QĐ-SLĐTBXH giải quyết khiếu nại lần đầu nhưng ông N1 không đồng ý. Ngày 01/02/2016 ông N1 khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương và ngày 13/10/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2812/QĐ-UB.

Quyết định số 225/QĐ-SLĐTBXH là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý người có công và các Quyết định giải quyết khiếu nại số 39/QĐ-SLĐTBXH và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2812/QĐ-UBND đều thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính.

Ngày 17/10/2016, ông N1 nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 2812/QĐ-UB, cho rằng nội dung các quyết định trên trái pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông nên ngày 16/11/2016, ông N1 có đơn khởi

kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương yêu cầu hủy 03 Quyết định trên và buộc Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương dừng thực hiện Quyết định 442/QĐ-SLĐTBXH. Việc khởi kiện của ông N1 là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính. TAND tỉnh Hải Dương đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung:

[1] Xét Quyết định số 225/QĐ-SLĐTBXH:

Căn cứ vào quy định tại điểm 10 mục II Điều 1 Quyết định số 46/2008/QĐ-UBND ngày 10/9/2008 của UBND tỉnh Hải Dương quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức SLĐTBXH, xác định Giám đốc SLĐTBXH ban hành Quyết định 225/QĐ-SLĐTBXH là đúng thẩm quyền.

Căn cứ vào các tài liệu gồm:

- Giấy chứng nhận căn cước của bà M do Trưởng Công an huyện T cấp ngày 20/10/1972 xác định bà Vũ Thị M có chồng là Vũ Khánh N2.

- Biên bản họp dòng tộc Vũ Khánh ngày 15/02/2015 do ông N1 là thư ký có chữ ký xác nhận của các thành viên trong dòng tộc, xác định: tháng 12/1962, ông N2 lấy vợ là bà M cùng thôn; đầu năm 1963, ông N2 tình nguyện đi bộ đội, bà M ở nhà cùng bố mẹ và các em chồng.

- Tại văn bản ngày 15/10/2014, UBND xã T xác minh rằng bà M là vợ liệt sĩ N2. Sau khi liệt sĩ N2 đi bộ đội và hy sinh, bà M không tái giá nhưng có 02 người con và vẫn sống với con đến nay.

Từ những tài liệu trên thấy rằng dù không có Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nhưng qua biên bản họp dòng tộc Vũ Khánh; Giấy căn cước của bà M thể hiện thực tế bà M đã chung sống như vợ chồng với ông N2 từ năm 1962. Theo Điểm 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn Điểm a Khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc hội đối với trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn thì có căn cứ xác định bà M là vợ của liệt sĩ N2. Và theo điểm b khoản 2 Điều 14 Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì vợ hoặc chồng liệt sĩ được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng.

Khoản 1 Điều 21 Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 09/3/2013 của Chính phủ quy định liệt sĩ không còn người hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng thì người thờ cúng được hưởng trợ cấp thờ cúng mỗi năm một lần.

Việc Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương xác định bà M đã được gia đình và chính quyền địa phương thừa nhận là vợ liệt sĩ từ năm 1962 và căn cứ vào khoản 1 Điều 19 Nghị định số 28/1995/NĐ-CP ngày 29/4/1995 và Khoản 1 Điều 21 Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 09/3/2013 của Chính phủ để ban hành Quyết

định 225/QĐ-SLĐTBXH với nội dung dừng và thu hồi trợ cấp thờ cúng liệt sĩ đối với ông N1 do bà M là vợ liệt sĩ đang được hưởng chế độ tuất vợ liệt sĩ là đúng.

Tuy nhiên, nội dung về số tiền thu hồi trợ cấp liệt sỹ ông Vũ Khánh N1 đã được nhận trong 02 năm x 500.000đồng/năm = 1.000.000 đồng như quy định tại Điều 1 của Quyết định 225/QĐ-SLĐTBXH là chưa đúng do ông N1 mới chỉ được hưởng trợ cấp của năm 2013 là 500.000 đồng; năm 2014 sau khi phát hiện trợ cấp không đúng đã không chi trả cho ông N1. Nội dung này đã được đính chính tại Quyết định số 4242/QĐ-SLĐTBXH ngày 08/11/2016 của Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương (đính chính số tiền thu hồi trợ cấp thờ cúng liệt sĩ tại Quyết định 225/QĐ-SLĐTBXH đối với ông Vũ Khánh N1 từ 1.000.000 đồng còn 500.000 đồng).

[2] Xét Quyết định giải quyết khiếu nại số 39/QĐ-SLĐTBXH:

Căn cứ vào quy định tại điểm 10 mục II Điều 1 Quyết định số 6/2008/QĐ-UBND ngày 10/9/2008 của UBND tỉnh Hải Dương quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức SLĐTBXH; khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 20, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 31 và Điều 32 Luật Khiếu nại thì Quyết định giải quyết khiếu nại số 39/QĐ-SLĐTBXH được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định.

- Nội dung dừng thực hiện Quyết định số 1917/QĐ-SLĐTBH ngày 21/10/2013 của SLĐTBXH về trợ cấp thờ cúng liệt sĩ đối với ông Vũ Khánh N1 là nội dung đúng do bà Vũ Thị M đang hưởng chế độ tuất vợ liệt sĩ.

- Nội dung thu hồi số tiền trợ cấp thờ cúng liệt sỹ ông N1 đã nhận là 1.000.000 đồng là chưa đúng do ông N1 mới chỉ được nhận 500.000 đồng năm 2013.

Tại Quyết định số 2812/QĐ-UB ngày 13/10/2016 giải quyết lần 2, Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương đã giao Giám đốc SLĐTBXH ban hành Văn bản sửa đổi một phần nội dung của Điều 1 Quyết định số 225/QĐ-SLĐTBXH ngày 26/02/2015. Sau đó, Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 4242/QĐ-SLĐTBXH ngày 08/11/2016 đảm bảo đúng với thực tế. Do đó, yêu cầu của ông Vũ Khánh N1 về hủy Quyết định số 39/QĐ-SLĐTBXH của Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương là không có cơ sở.

[3] Xét Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2812/QĐ-UB:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 21, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 40 và Điều 41 Luật Khiếu nại, xác định Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2812/QĐ-UB ngày 13/10/2016 đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định.

Quyết định giải quyết khiếu nại số 2812/QĐ-UB xác định việc dừng và thu hồi trợ cấp thờ cúng liệt sĩ đối với ông N1 là đúng nhưng mức thu hồi 1.000.000 đồng cho 02 năm trong khi ông N1 mới được nhận trợ cấp của năm 2013 là không chính xác. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương đã giao Giám đốc SLĐTBXH ban hành văn bản sửa đổi phần này. Về nội dung Quyết định giải

quyết khiếu nại số 2812/QĐ-UB là đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi thực hiện Quyết định số 442/QĐ-SLĐTBXH:

Như đã phân tích ở phần [1] thì bà Vũ Thị M là vợ của liệt sĩ N2 nên Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương ban hành và thực hiện Quyết định số 442/QĐ-SLĐTBXH là đúng.

[5] Từ các phân tích trên khẳng định: Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Khánh N1 về việc yêu cầu: Hủy Quyết định số 225/QĐ-SLĐTBXH ngày 26/02/2015 của Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương và truy thu chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ cho ông N1 từ năm 2013 đến nay, trừ một năm đã được nhận; hủy Quyết định số 39/QĐ-SLĐTBXH ngày 29/01/2016 của Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Vũ Khánh N1; buộc Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương dừng thực hiện Quyết định số 442/LĐTBXH ngày 16/10/1997 về việc trợ cấp tuất vợ liệt sĩ đối với bà Vũ Thị M là có căn cứ pháp luật. Xét kháng cáo của ông Vũ Khánh N1 là không có căn cứ, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Do kháng cáo ông N1 không được chấp nhận nên ông N1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Từ những nhận định nêu trên căn cứ vào Điều 30, 32, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 358 và khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính;

Căn cứ khoản 3 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Khánh N1, giữ nguyên các quyết định của bản án hành chính sơ thẩm .

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Khánh N1 về việc: yêu cầu hủy Quyết định số 225/QĐ-SLĐTBXH ngày 26/02/2015 của Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương và truy thu chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ cho ông Vũ Khánh N1 từ năm 2013 đến nay, trừ một năm đã được nhận; hủy Quyết định số 39/QĐ-SLĐTBXH ngày 29/01/2016 của Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Vũ Khánh N1; buộc Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương dừng thực hiện Quyết định số 442/LĐTBXH ngày 16/10/1997 của Giám đốc SLĐTBXH tỉnh Hải Dương về việc trợ cấp tuất vợ liệt sĩ đối với bà Vũ Thị M.

Về án phí: ông Vũ Khánh N1 phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án

phí hành chính phúc thẩm (đã nộp tại Biên lai thu tiền số:AA/2016/0001031 ngày 26/6/2017 của Cục thi hành án tỉnh Hải Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Xuân Trọng